

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT ĐIỆN ẢNH

Luật Điện ảnh được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/6/2022 (sau đây viết tắt là Luật Điện ảnh năm 2022); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 05/2022/L-CTN ngày 28/6/2022; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT¹

Luật Điện ảnh được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 (viết tắt là Luật Điện ảnh năm 2006). Đây là luật đầu tiên trong lĩnh vực nghệ thuật được ban hành, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp điện ảnh dân tộc, tạo cơ sở pháp lý để phát triển điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu hội nhập của điện ảnh nước nhà. Sau 14 năm thực hiện, bên cạnh những đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển điện ảnh Việt Nam, Luật Điện ảnh đã bộc lộ những thiếu sót, bất cập cần sớm được sửa đổi, bổ sung nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách lớn của nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, hội nhập quốc tế trong cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư. Cụ thể là:

1. Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, với định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước".

¹ Tờ trình số 298/TTr-CP ngày 17/9/2021 của Chính phủ về Dự án Luật Điện ảnh (sửa đổi).

- Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành TW Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó xác định “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*”.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới, trong đó xác định “*Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam*”.

Như vậy, việc thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối, chủ trương lớn của Đảng về văn hóa nói chung và về điện ảnh nói riêng nêu trên thành pháp luật là cần thiết.

2. Khắc phục những bất cập của Luật Điện ảnh hiện hành

2.1. Một số quy định của Luật Điện ảnh không còn phù hợp hoặc đã bị bãi bỏ hoặc được quy định tại luật chuyên ngành khác

- Quy định “*Doanh nghiệp phát hành phim, doanh nghiệp khác có đăng ký kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phim phải có rạp chiếu phim để tham gia phổ biến phim*”² dẫn đến một số công ty phát hành phim sở hữu hệ thống nhiều cụm rạp đã chi phối thị trường chiếu phim, hạn chế việc nhập khẩu phim của các công ty phát hành phim không có rạp chiếu phim.

- Quy định “*Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, trong khi đó, “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh” đã được bãi bỏ theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.*

² Điều 30 Luật Điện ảnh năm 2006.

- Quy định về ưu đãi tín dụng, thuế đối với hoạt động điện ảnh không phù hợp do không thuộc lĩnh vực được ưu tiên³; việc dành quỹ đất để xây dựng rạp chiếu phim đã bị bãi bỏ⁴.

- Một số hành vi vi phạm về sản xuất, phát hành, phổ biến phim, lưu trữ phim, nhân bản không còn phù hợp với tình hình thực tiễn và đã được điều chỉnh cụ thể bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác như: Quy định về “Bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm” đã được điều chỉnh tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; quy định về “Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện ảnh” đã được điều chỉnh tại Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2018; quy định “doanh nghiệp sản xuất phim” và “doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim” không tương thích với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Đầu tư năm 2020...

2.2. Một số quy định của Luật Điện ảnh không thể hiện được đặc thù của điện ảnh nên không khả thi

- Luật Điện ảnh chưa quy định về mô hình và lĩnh vực hoạt động cùng nguồn thu ổn định lâu dài để Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh tồn tại, phát triển và hoạt động hiệu quả. Vì vậy, từ năm 2010, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã 02 lần trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thành lập Quỹ, nhưng đến nay Quỹ vẫn chưa được thành lập.

- Quy định cấp phép tổ chức chiếu giới thiệu phim Việt Nam tại nước ngoài; quy định đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài đến nay chưa có giấy phép nào được cấp do không phù hợp với thực tế và nhu cầu hoạt động điện ảnh.

- Chính sách đặc thù đối với các đội chiếu phim lưu động; tài trợ phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa chưa được quan tâm, thực hiện tại nhiều địa phương do phụ thuộc vào ngân sách nhà nước⁵ và sự thay đổi cơ cấu tổ chức của các đơn vị phát hành phim, chiếu bóng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁶.

2.3. Một số vấn đề mới phát sinh cần bổ sung vào Luật Điện ảnh

Thực tế cho thấy đã có nhiều vấn đề mới nảy sinh đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điện ảnh nhưng chưa được quy định trong luật để điều chỉnh và có chính sách hỗ trợ phù hợp, kịp thời, như:

³ Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

⁴ Thực hiện theo Luật Quy hoạch.

⁵ Thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước.

⁶ Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Công nghiệp điện ảnh, thị trường điện ảnh, công nghệ kỹ thuật số trong các khâu sản xuất, phát hành, phổ biến và lưu trữ phim;
- Quản lý nội dung phim phát hành, phổ biến trên không gian mạng và tại địa điểm công cộng;
- Quy định về phân loại và hiển thị mức phân loại, cảnh báo nội dung phim;
- Cơ chế thu hút, khuyến khích sản xuất, ưu đãi đoàn làm phim nước ngoài quay phim tại Việt Nam;
- Quy định cụ thể về phân cấp quản lý hoạt động điện ảnh;
- Hoạt động xúc tiến, quảng bá phim thông qua việc tổ chức các liên hoan phim, chương trình phim, tuần phim, giải thưởng điện ảnh Việt Nam và quốc tế trong và ngoài nước và chính sách tăng cường xã hội hóa hoạt động điện ảnh.

3. Bảo đảm phù hợp với các luật hiện hành của Việt Nam và cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Trong những năm gần đây Quốc hội đã ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật tạo ra thay đổi hoặc phát sinh những nội dung mới liên quan tới hoạt động điện ảnh như: Hiến pháp năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009, Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Quảng cáo năm 2013, Bộ luật Dân sự và Bộ Luật Hình sự năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Báo chí năm 2016, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật An ninh mạng năm 2018, Bộ luật lao động năm 2019, Luật Đầu tư và Luật doanh nghiệp năm 2020 và một số luật khác.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng đã phê chuẩn, tham gia các công ước quốc tế như Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) và các hiệp định thương mại quốc tế quan trọng như: Hiệp định khu vực thương mại tự do (ASEAN - AFTA); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) cùng nhiều hiệp định thương mại song phương với các nền kinh tế lớn trên thế giới như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, Hoa Kỳ.

Do vậy, Luật Điện ảnh cần được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm sự thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật, đồng thời thực hiện hiệu quả cam kết trong các khuôn khổ pháp lý quốc tế.

4. Đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số trong hoạt động điện ảnh

Công nghiệp điện ảnh hiện nay đã chuyển đổi hoàn toàn sang công nghệ kỹ thuật số. Ứng dụng của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã

giúp nhiều quốc gia giảm thiểu chi phí, đẩy nhanh tiến độ sản xuất, nhanh chóng đưa sản phẩm điện ảnh đến người xem, rút ngắn thời gian quay vòng vốn, tạo điều kiện cho khán giả tiếp cận các sản phẩm điện ảnh với số lượng lớn, chất lượng cao vừa theo hướng thuận tiện vừa tiết kiệm.

Việc phát hành, phổ biến phim trên mạng lưới băng thông rộng, thông qua các ứng dụng trên nền tảng kỹ thuật số như chiếu phim theo yêu cầu - VOD, cung cấp nội dung có tuyển chọn - OCC, chiếu phim trên ứng dụng OTT của các nhà phát hành, phổ biến phim có máy chủ đặt tại Việt Nam và nước ngoài ngày càng phát triển, đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp tại Việt Nam và trên khắp thế giới.

Các giải pháp lưu trữ số hóa tạo nên kho dữ liệu khổng lồ và dễ dàng tiếp cận với mọi đối tượng. Những vấn đề về bản quyền, quyền khai thác, sử dụng, lưu trữ phim đặt ra nhiều thách thức cho các nhà quản lý.

Tuy nhiên, Luật Điện ảnh hiện hành chưa cập nhật sự phát triển điện ảnh về mặt kỹ thuật, công nghệ. Luật chỉ quy định việc sản xuất, phát hành, phổ biến phim lưu trữ, sử dụng, khai thác phim trên vật liệu phim nhựa 35mm hoặc băng từ (Betacam hoặc VHS), những vật liệu hiện không còn dùng hoặc ít dùng, thiếu đi những căn cứ cơ bản để xây dựng hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động điện ảnh theo nền tảng công nghệ kỹ thuật số.

Để đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, quản lý hiệu quả phương thức phát hành và phổ biến phim trên nền tảng kỹ thuật số và các công nghệ tiên tiến khác trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, cần tạo dựng hành lang pháp lý quy định và hỗ trợ việc áp dụng thành tựu công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến khác nhằm quản lý và hỗ trợ công nghiệp điện ảnh phát triển.

Từ các lý do trên, việc ban hành Luật Điện ảnh (sửa đổi) là cần thiết.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT ĐIỆN ẢNH

Luật Điện ảnh năm 2022 gồm 8 chương, 50 điều, cụ thể:

1. Chương I: Những quy định chung: Gồm 09 điều (từ Điều 1 đến Điều 9) quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) đối tượng áp dụng; (3) giải thích từ ngữ; (4) nguyên tắc hoạt động điện ảnh; (5) chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh; (6) phát triển nguồn lực điện ảnh; (7) tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh; (8) hợp tác đầu tư nước ngoài trong hoạt động điện ảnh; (9) những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh.

2. Chương II: Sản xuất phim: Gồm 05 điều (*từ Điều 10 đến Điều 14*) quy định về: (1) quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim; (2) quyền và nghĩa vụ của nhà sản xuất phim, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên và thành viên khác trong đoàn làm phim; (3) hoạt động của trường quay; (4) hoạt động sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài; (5) sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chương III: Phát hành phim: Gồm 03 điều (*từ Điều 15 đến Điều 17*) quy định về: (1) quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim; (2) trao đổi, mua, bán, cho thuê phim; (3) xuất khẩu phim, nhập khẩu phim.

4. Chương IV: Phổ biến phim: Gồm 15 điều (*từ Điều 18 đến Điều 32*) quy định về: (1) quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim; (2) phổ biến phim trong rạp chiếu phim; (3) phổ biến phim trên hệ thống truyền hình; (4) phổ biến phim trên không gian mạng; (5) phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng; (6) phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nông thôn; (7) phổ biến phim tại trụ sở cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam; (8) quảng cáo phim; (9) quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim; (10) cấp Giấy phép phân loại phim; (11) thay đổi nội dung phim và tên phim trong Giấy phép phân loại phim; (12) thu hồi Giấy phép phân loại phim; (13) dừng phổ biến phim; (14) Hội đồng thẩm định, phân loại phim; (15) phân loại phim.

5. Chương V: Lưu chiếu, lưu trữ phim: Gồm 04 điều (*từ Điều 33 đến Điều 36*) quy định về: (1) lưu chiếu phim; (2) lưu trữ phim; (3) quyền và trách nhiệm của cơ sở lưu trữ phim; (4) quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim trong hoạt động lưu chiếu, lưu trữ.

6. Chương VI: Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh; Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh: Gồm 10 điều, 02 mục:

- **Mục 1: Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh:** Gồm 05 điều (*từ Điều 37 đến Điều 41*) quy định về: (1) nội dung quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh; (2) liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam; (3) tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài; (4) phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài; (5) chế độ ưu đãi đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam.

- **Mục 2: Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh:** Gồm 03 điều (*từ Điều 42 đến Điều 44*) quy định về: (1) thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh; (2) mục đích và nguyên tắc hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh.

7. Chương VII: Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh: Gồm 03 điều (từ Điều 45 đến Điều 47) quy định về: (1) trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (2) trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Bộ, cơ quan ngang Bộ; (3) trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân các cấp.

8. Chương VIII: Điều khoản thi hành: Gồm 03 điều (từ Điều 48 đến Điều 50) quy định về: (1) sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15 về kinh doanh dịch vụ phổ biến phim; (2) hiệu lực thi hành; (3) quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật Điện ảnh năm 2022 kế thừa có chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung 32 điều, quy định mới 18 điều so với Luật Điện ảnh năm 2006, cụ thể:

1. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 9)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh như sau “*Luật này quy định về hoạt động điện ảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh; quản lý nhà nước về điện ảnh*”. So với Luật Điện ảnh năm 2006, Luật Điện ảnh năm 2022 đã bổ sung quy định về quản lý nhà nước về điện ảnh.

1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Theo quy định tại Điều 2, đối tượng áp dụng của Luật gồm: (1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam và ở nước ngoài; (2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động điện ảnh tại Việt Nam; (3) Cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh.

1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

Luật Điện ảnh năm 2022 kế thừa, sửa đổi 08 thuật ngữ (*Điện ảnh; Phim; Hoạt động điện ảnh; Cơ sở điện ảnh; Sản xuất phim, Phát hành phim; Phổ biến phim; Chủ sở hữu phim*); bổ sung 07 thuật ngữ mới (*Công nghiệp điện ảnh; Phân loại phim; Kịch bản phim; Phim Việt Nam; Cung cấp dịch vụ sản xuất phim; Trường quay; Địa điểm chiếu phim công cộng*); lược bỏ 04 thuật ngữ (*Tác phẩm điện ảnh; Kịch bản văn học; Kịch bản phân cảnh; Cơ sở dịch vụ sản xuất phim*) so với quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006. Trong đó, việc sửa đổi, bổ sung khái niệm “Phim” đóng vai trò quan trọng, qua đó xác định rõ những loại sản phẩm nào trong lĩnh vực nghe nhìn được Luật Điện ảnh điều chỉnh.

1.4. Về chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh (Điều 5)

Luật Điện ảnh năm 2022 bổ sung một khoản (*khoản 2 Điều 5*) quy định việc Nhà nước đầu tư, hỗ trợ một số hoạt động nhằm tạo sự linh hoạt trong chính sách của Nhà nước đối với hoạt động điện ảnh; thể hiện rõ hơn cơ chế, biện pháp của Nhà nước huy động mọi nguồn lực đầu tư, phát triển điện ảnh, công nghiệp điện ảnh; sắp xếp lại theo nhóm chính sách để bảo đảm tính logic, phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, ngân sách Nhà nước đồng thời khuyến khích tăng cường, xã hội hóa hoạt động điện ảnh.

1.5. Hợp tác đầu tư nước ngoài trong hoạt động điện ảnh

Luật quy định, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác đầu tư với cơ sở điện ảnh Việt Nam để sản xuất, phát hành, phổ biến phim theo quy định của pháp luật về đầu tư dưới 02 hình thức sau: (1) Thành lập tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, trong đó, phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51 % vốn điều lệ; (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Ngoài ra, Luật quy định Nhà văn hóa, đơn vị chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công cộng, đội chiếu phim lưu động của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh (Điều 9)

Luật Điện ảnh năm 2022 kế thừa, bổ sung chi tiết hơn những *nội dung bị cấm trong hoạt động điện ảnh*, theo đó nghiêm cấm hoạt động điện ảnh có nội dung sau: (1) Vi phạm Hiến pháp, pháp luật; kích động chống đối hoặc phá hoại việc thi hành Hiến pháp, pháp luật; (2) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc, giá trị văn hóa Việt Nam; xúc phạm Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, Quốc ca; (3) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù, kì thị giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng phản động, tệ nạn xã hội; phá hoại văn hóa, đạo đức xã hội; (4) Xuyên tạc lịch sử dân tộc, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; thể hiện không đúng, xâm phạm chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân; (5) Truyền bá, ủng hộ chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa cực đoan; (6) Kích động, xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, cổ súy cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bất hợp pháp; (7) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật; (8) Kích động bạo lực, hành vi tội ác bằng việc thể hiện chi tiết cách thức thực hiện, hình ảnh, âm thanh, lời thoại, cảnh đánh đập,

tra tấn, giết người dã man, tàn bạo và những hành vi khác xúc phạm đến nhân phẩm con người, trừ trường hợp thể hiện các nội dung đó để phê phán, tố cáo, lên án tội ác, đề cao chính nghĩa, tôn vinh giá trị truyền thống, văn hóa; (9) Thể hiện chi tiết hình ảnh, âm thanh, lời thoại dâm ô, trụy lạc, loạn luân; (10) Vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, người chưa thành niên; (11) Vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới.

Ngoài ra Luật còn bổ sung khoản 2 Điều 9 quy định về ***hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh*** nhằm tạo thuận lợi cho việc tuân thủ Luật, ngăn ngừa và có cơ sở xử lý các vi phạm, theo đó nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau đây: (1) Phát hành, phổ biến phim trong rạp chiếu phim, trên hệ thống truyền hình và địa điểm chiếu phim công cộng mà không có Giấy phép phân loại phim của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc Quyết định phát sóng của cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động truyền hình; (2) Phổ biến phim trên không gian mạng mà không phân loại, hiển thị kết quả phân loại phim theo quy định của Luật Điện ảnh năm 2022; (3) Thay đổi, làm sai lệch nội dung phim và kết quả phân loại phim đối với phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng; (4) Sản xuất, phát hành, phổ biến phim, lưu chiếu, lưu trữ phim không tuân thủ quy định của Luật Điện ảnh năm 2022, Luật Sở hữu trí tuệ và quy định khác của pháp luật có liên quan; (5) Phát hành, phổ biến phim đã có quyết định thu hồi Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng; (6) Sao chép phim khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu phim, trừ trường hợp Luật sở hữu trí tuệ có quy định khác; (7) Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng; (8) Thẩm định, cấp Giấy phép phân loại phim trái quy định của pháp luật.

2. Về sản xuất phim (từ Điều 10 đến Điều 14)

2.1. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim (Điều 10)

Luật Điện ảnh năm 2022 đã sửa đổi và bổ sung các quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các luật có liên quan. Đáng chú ý là quy định nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh sản xuất phim phải gửi văn bản cam kết không vi phạm vào các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật Điện ảnh tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong trường hợp hợp tác sản xuất phim với tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhận tài trợ từ tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất phim.

2.2. Hoạt động sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài (Điều 13)

Quy định về hoạt động cung cấp dịch vụ dùng bối cảnh quay phim tại Việt Nam có sự thay đổi quan trọng, Luật quy định hồ sơ xin cấp phép chỉ yêu cầu

kịch bản tóm tắt phim và kịch bản chi tiết nội dung quay tại Việt Nam thay vì kịch bản phim đầy đủ theo quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006.

2.3. Sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 14)

Hình thức thực hiện sản xuất phim bằng nguồn ngân sách nhà nước được mở rộng với ba hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, khác với Luật Điện ảnh năm 2006 chỉ quy định hình thức đấu thầu. Bên cạnh đó, Luật cũng mở rộng đối tượng chủ đầu tư sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp ở trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Về phát hành phim (từ Điều 15 đến Điều 17)

- Luật không quy định phát hành phim là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhằm tạo thuận lợi cho việc đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực phát hành phim, đồng thời bổ sung quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phát hành phim (Điều 15);

- Quy định về trao đổi, bán, cho thuê phim được sửa đổi và rút gọn (Điều 16) và bỏ quy định về hộ gia đình in sang, nhân bản, bán, cho thuê phim, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Đối với quy định về xuất khẩu phim, nhập khẩu phim (Điều 17): Luật bỏ quy định doanh nghiệp phát hành phim, doanh nghiệp khác có đăng ký kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu phim *phải có rap* để tham gia phổ biến phim; quy định tổ chức, cá nhân chỉ được xuất khẩu phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng. Điểm đáng chú ý là Luật bổ sung nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim phải cam kết bằng văn bản về nội dung phim không vi phạm quy định tại Điều 9 (*Những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện ảnh*) Luật Điện ảnh, gửi Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, người đứng đầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung phim nhập khẩu để phổ biến phim.

4. Về phổ biến phim (từ Điều 18 đến Điều 32)

- Luật Điện ảnh năm 2022 bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim (Điều 18), trong đó có nghĩa vụ thực hiện hiện thị mức phân loại phim, cảnh báo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và dừng việc phổ biến phim khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim (Điều 19): Luật bổ sung, quy định cụ thể điều kiện kinh doanh phổ biến phim, quyền và nghĩa vụ của cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong hệ thống rạp chiếu phim. Trong đó cơ sở điện ảnh phổ biến phim trong rạp chiếu phim có quyền từ chối phục vụ người xem trong

trường hợp người xem sử dụng chất cấm, chất kích thích; mang vũ khí, vật liệu gây cháy, nổ, chất phóng xạ, chất độc hại, chất cấm, chất kích thích vào rạp chiếu phim; gây rối, mất trật tự tại rạp chiếu phim và ngăn chặn việc sao chép, ghi âm, ghi hình, truyền phát phim trái quy định của pháp luật.

Ngoài thực hiện những nghĩa vụ như Luật Điện ảnh năm 2006 về bảo đảm tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng; bảo đảm người xem phim đúng độ tuổi theo phân loại phim và khung giờ chiếu phim cho trẻ em hoặc miễn giảm giá vé xem phim cho một số đối tượng. Luật bổ sung nghĩa vụ: Thực hiện kết nối dữ liệu, chế độ báo cáo tình hình hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về phổ biến phim trên hệ thống truyền hình được quy định tại Điều 20. Trong đó lưu ý quy định có Quyết định phát sóng để phổ biến phim trên hệ thống truyền hình Việt Nam hoặc phổ biến phim trên gói dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu trên không gian mạng.

- Về phổ biến phim trên không gian mạng (Điều 21): Luật đã quy định rõ đối tượng chủ thể được phép phổ biến phim trên không gian mạng, đồng thời quy định thêm về các yêu cầu, điều kiện cần bảo đảm khi phổ biến phim trên không gian mạng như đáp ứng điều kiện thực hiện phân loại phim theo quy định của Chính phủ, thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi thực hiện phổ biến phim trên không gian mạng, thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết và hướng dẫn để cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em tự kiểm soát, quản lý, bảo đảm trẻ em xem phim được phổ biến trên không gian mạng phù hợp với độ tuổi, cung cấp đầu mối, thông tin liên hệ để tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người sử dụng dịch vụ.

- Về phổ biến phim tại địa điểm công cộng (Điều 22): Tổ chức phổ biến phim tại địa điểm chiếu phim công cộng phải thông báo bằng văn bản về nội dung, chương trình chiếu phim cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

- Ngoài ra, Luật cũng sửa đổi, bổ sung các quy định về phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số và vùng nông thôn (Điều 23); bổ sung quy định về phổ biến phim tại trụ sở của cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài được thành lập tại Việt Nam (Điều 24); bổ sung quy định dừng phổ biến phim theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 30).

- Về Giấy phép phân loại phim: Luật quy định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép phân loại phim khi đáp ứng các quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nội dung về phân cấp không hoàn toàn là nội dung mới trong luật, tuy nhiên quy định mới mang tính khả thi đáp ứng điều kiện thực

tế hơn so với quy định tại Luật Điện ảnh năm 2006 (Điều 27). Đồng thời bổ sung các quy định về việc thay đổi nội dung phim và tên phim trong Giấy phép phân loại phim (Điều 28); thu hồi Giấy phép phân loại phim (Điều 29).

- Về phân loại phim (Điều 32): Trên thực tế, phim Việt Nam chiếu tại rạp đã thực hiện phân loại theo độ tuổi từ năm 2017. Tuy nhiên, quy định này chỉ mới áp dụng đối với phim chiếu tại rạp và được điều chỉnh bằng Thông tư. Luật Điện ảnh năm 2022 quy định việc phân loại độ tuổi và hiển thị mức phân loại phim, cảnh báo nội dung phim áp dụng chung cho các phim chiếu trên mọi hình thức phổ biến. Các quy định về Hội đồng thẩm định, phân loại phim được kế thừa và bổ sung tại Điều 31.

- Các quy định quảng cáo về phim (Điều 25) được kế thừa các quy định của Luật Điện ảnh năm 2006. Ngoài ra, Luật cũng bổ sung quy định quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong phim (Điều 26).

5. Lưu chiếu, lưu trữ (từ Điều 33 đến Điều 36)

Hiện nay, định dạng kỹ thuật của phim thay đổi từ chất liệu phim nhựa sang phim kỹ thuật số nên Luật sửa đổi, bổ sung quy định mới nhằm phù hợp với công nghệ điện ảnh như thời hạn lưu chiếu đối với phim nhập khẩu căn cứ theo thời hạn bản quyền phổ biến tại Việt Nam. Phim Việt Nam sản xuất bằng nguồn ngân sách nhà nước phải chuyển bản phim lưu chiếu không khóa mã, kịch bản và tài liệu đi kèm cho cơ sở lưu trữ phim; trả lại bản phim lưu chiếu cho cơ sở nộp lưu chiếu khi hết thời hạn lưu chiếu. Luật cũng bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phim trong hoạt động lưu chiếu, lưu trữ (Điều 36). Chủ sở hữu phim phải mở khóa mã phim để đối chiếu, kiểm tra khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh; Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh (từ Điều 37 đến Điều 44)

Đây là chương mới so với Luật Điện ảnh năm 2006 với 8 điều, 02 mục, cụ thể:

6.1. Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh (Mục 1 từ Điều 37 đến Điều 41)

- Bổ sung nội dung quảng bá, xúc tiến điện ảnh (Điều 37).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về Liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam (Điều 38). So với Luật Điện ảnh năm 2006, Luật Điện ảnh năm 2022 đã mở rộng chủ thể được tổ chức liên hoan phim nhằm huy động nguồn lực xã hội tham gia quảng bá, tôn vinh điện ảnh trong nước. Cụ thể các bộ, ban, ngành, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp được tự tổ chức liên hoan phim, giải thưởng, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam.

Cơ quan, tổ chức Việt Nam không thuộc đối tượng nêu trên được phép tổ chức liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Chính phủ. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài khi tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức Chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài (Điều 39) trong đó yêu cầu cơ quan, tổ chức khác (ngoài Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài thông báo bằng văn bản cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại hoặc địa bàn kiêm nhiệm về nội dung, kế hoạch tổ chức ít nhất 20 ngày trước ngày tổ chức.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về phim tham gia liên hoan phim, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim, tuần phim tại Việt Nam và nước ngoài (Điều 40) là phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng.

- Bổ sung quy định về ưu đãi thuế đối với tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam (Điều 41): Đây là nội dung hoàn toàn mới được quy định tại Luật nhằm góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ làm điện ảnh, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, thúc đẩy phát triển điện ảnh, du lịch và các ngành dịch vụ liên quan. Kinh nghiệm một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới cũng áp dụng chính sách ưu đãi này để tạo sức hấp dẫn đối với các tổ chức nước ngoài sử dụng dịch vụ sản xuất phim.

6.2. Quỹ hỗ trợ và phát triển Điện ảnh (Mục 2 từ Điều 42 đến Điều 44)

Đây không là nội dung mới của Luật. So với Luật Điện ảnh năm 2006, Luật đã bổ sung và làm rõ thêm mục đích của Quỹ (Điều 44) và nguyên tắc hoạt động của Quỹ (Điều 45) nhằm nâng cao tính khả thi.

7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh (từ Điều 45 đến Điều 47)

Luật Điện ảnh năm 2022 bổ sung Chương quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh, trong đó kế thừa và quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Điều 45), của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 46) và của Ủy ban nhân dân các cấp (Điều 47).

8. Điều khoản thi hành (Từ Điều 48 đến Điều 50)

Luật Điện ảnh năm 2022 sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14 và Luật số

03/2022/QH15 (Điều 48), sửa đổi, bổ sung mục 192 thuộc Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, từ “Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim” thành “Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim”.

Quy định hiệu lực thi hành, theo đó Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 (Điều 49).

Quy định điều khoản chuyển tiếp (Điều 50), theo đó: (1) Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh năm 2006 được tiếp tục thực hiện theo quy định trong Giấy phép phổ biến phim, Quyết định phát sóng. Giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài được cấp theo quy định của Luật Điện ảnh năm 2006 thì tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trong giấy phép; (2) Phim đã được cấp Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định phát sóng nhưng chưa thực hiện cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/01/2023 phải bổ sung cảnh báo và hiển thị mức phân loại phim đến người xem trong trường hợp tiếp tục phổ biến./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG